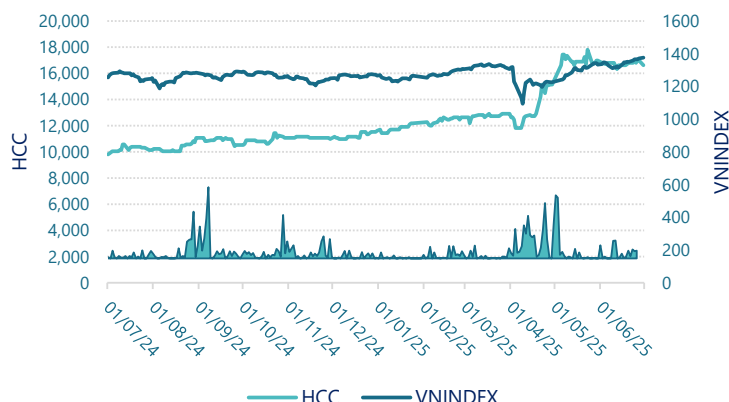


CTCP Bê tông Hòa Cầm - INTIMEX (HNX: HCC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,810
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,808
SL cổ phiếu LH	6,518,547
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,700
% sở hữu nước ngoài	13.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	117
P/E	4.9
EPS	3,692

DT thuần

Q2/25

120

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 43.4 | 56.2%

YoY: ▲ 46.2 | 62.1%

LN sau thuế

Q2/25

12.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.57 | 166%

YoY: ▲ 8.33 | 220%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

12.7%

+/- YoY: ▲ 6.1%

DT thuần

6T 2025

196

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 68.0 | 53.1%

LN sau thuế

6T 2025

16.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.5 | 226%

ROE

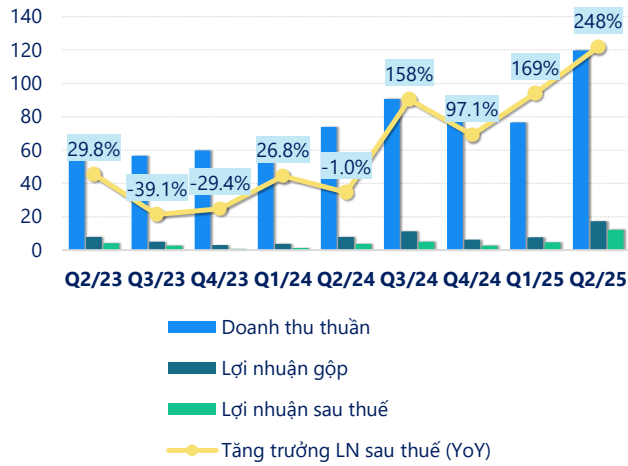
Q2/25

25.7%

+/- YoY: ▲ 16.1%

tỷ VNĐ

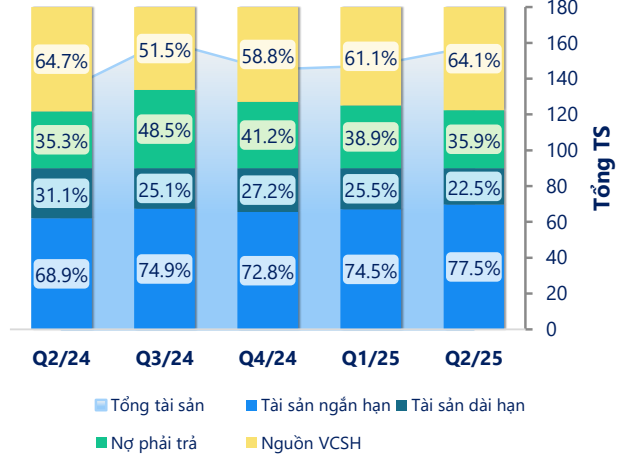
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

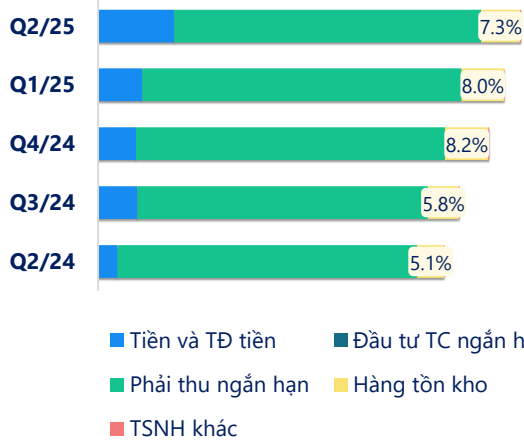
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



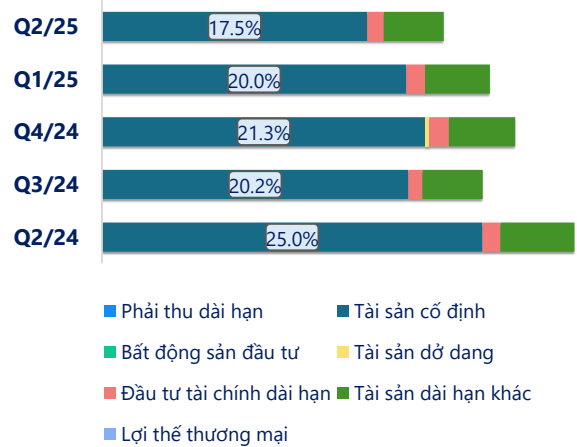
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

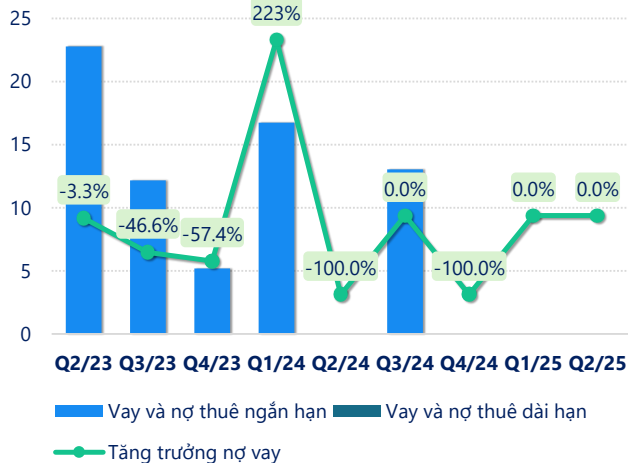
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

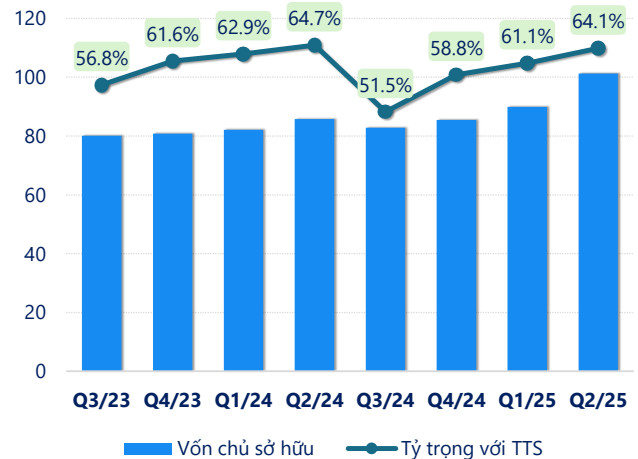
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



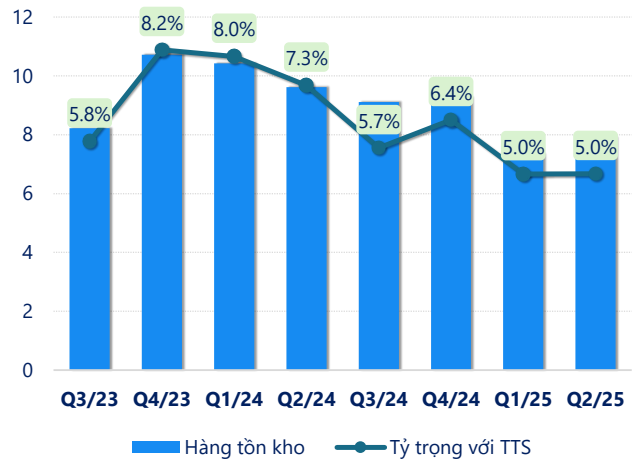
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

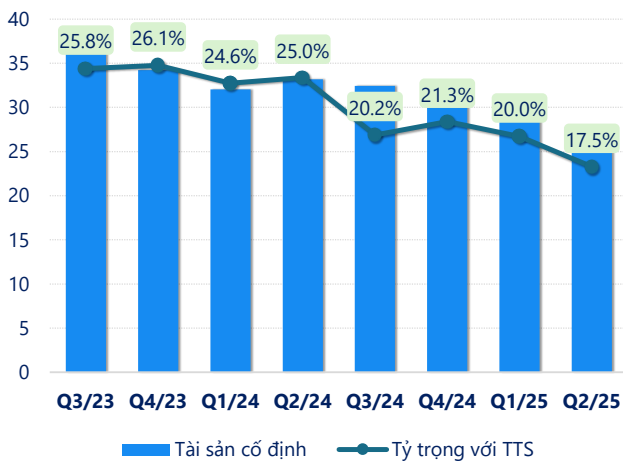

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


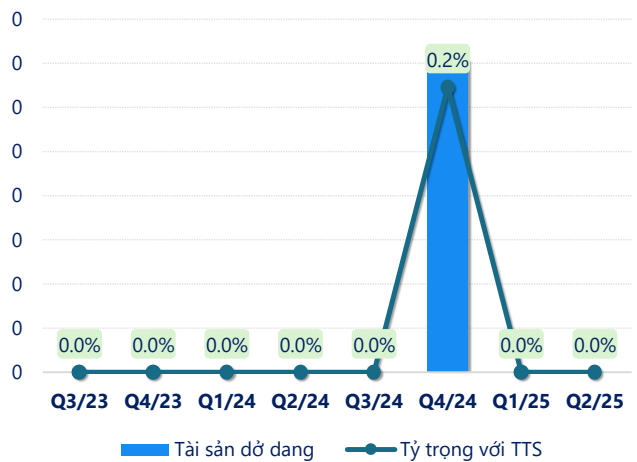
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

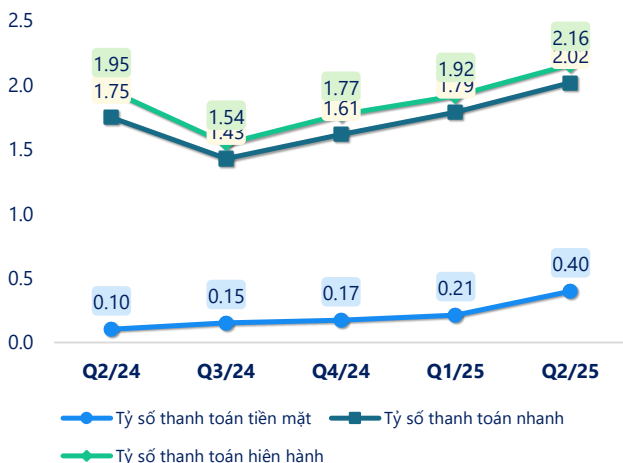
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

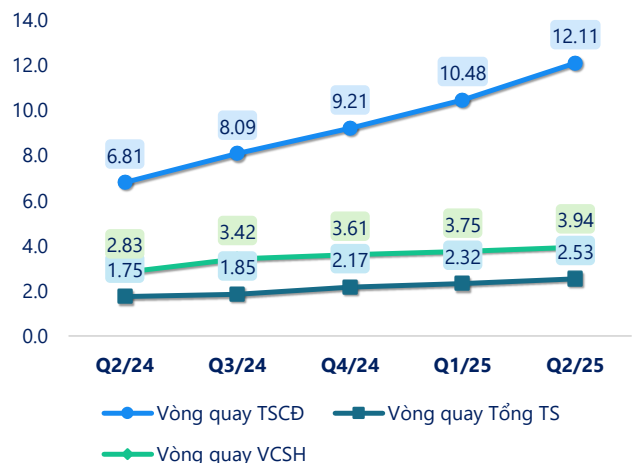
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	133	161	145	147	158
Tài sản ngắn hạn	91.3	121	106	110	123
Tiền và tương đương tiền	4.83	11.9	10.4	12.2	22.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	5.00
Phải thu ngắn hạn	76.6	99.5	85.6	89.8	86.8
Hàng tồn kho	9.62	9.11	9.26	7.36	7.91
Tài sản ngắn hạn khác	0.31	0.09	0.50	0.22	0.21
Tài sản dài hạn	41.2	40.3	39.5	37.6	35.6
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	33.2	32.5	30.9	29.5	27.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0.35	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	1.57	1.49	1.89	1.81	1.72
Tài sản dài hạn khác	6.45	6.39	6.33	6.29	6.24
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	46.8	78.1	59.8	57.2	56.8
Nợ ngắn hạn	46.8	78.1	59.8	57.2	56.8
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	13.1	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	40.6	47.4	51.8	51.2	43.4
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	85.8	82.8	85.4	90.0	101
Vốn chủ sở hữu	85.8	82.8	85.4	90.0	101
Vốn điều lệ	65.2	65.2	65.2	65.2	65.2
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)